

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/DS-PT

Ngày: 28-4-2022

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Văn Quán

2. Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Cẩm Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 182, ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974.

2. Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số 57, ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bị đơn là bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N.

(Bà L, bà D và ông N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày:*

Ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng. Bà D có tham gia các dây hụi do bà L làm chủ thảo. Bà L đã khởi kiện lần thứ nhất phần hụi đã đóng thay cho bà D theo Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T và Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2021/DS-PT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Theo 02 Bản án trên tuyên buộc ông N và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền tổng cộng 464.860.000 đồng. Hiện nay trong 06 dây hụi này có 02 dây hụi đã mãn, 04 dây hụi vẫn còn vài lần chưa đến kỳ. Vì vậy, bà tiếp tục đóng thay cho bà D và sẽ khởi kiện sau. Sau khi khởi kiện lần thứ nhất, bà L tiếp tục đóng thay thêm cho bà D 06 dây hụi với số tiền tổng cộng 110.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Dây hụi 1: Dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 07/11/2015 Dương lịch (tức ngày 26/9/2015 Âm lịch), 04 tháng khui một lần, bà D đã hốt và phải đóng 04 lần hụi chết. Bà khởi kiện lần thứ nhất đã được chấp nhận 02 lần. Đến tháng 02/2021, bà đã đóng thay cho bà D thêm 02 lần x 5.000.000 đồng = 10.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn.

Dây hụi 2: Dây hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 25/9/2016 Dương lịch (tức ngày 25/8/2016 Âm lịch), 04 tháng khui một lần, bà D đã hốt và phải đóng 06 lần hụi chết. Bà khởi kiện lần thứ nhất đã được chấp nhận 02 lần. Đến tháng 4/2021, bà đã đóng thay cho bà D thêm 03 lần x 10.000.000 đồng = 30.000.000 đồng. Dây hụi này còn 01 lần x 10.000.000 đồng = 10.000.000 đồng là mãn hụi, bà đã đóng thay cho bà D nhưng chưa khởi kiện trong vụ án này.

Dây hụi 3: Dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 08/4/2017 Dương lịch (tức ngày 12/3/2017 Âm lịch), 03 tháng khui một lần, bà D đã hốt và phải đóng 10 lần hụi chết. Bà khởi kiện lần thứ nhất đã được chấp nhận 03 lần. Đến tháng 4/2021, bà đã đóng thay cho bà D thêm 04 lần x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng. Dây hụi này còn 03 lần x 5.000.000 đồng = 15.000.000 đồng là mãn hụi, bà đã đóng thay cho bà D nhưng chưa khởi kiện trong vụ án này.

Dây hụi 4: Dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 24/6/2017 Dương lịch (tức ngày 01/6/2017 Âm lịch), 02 tháng khui một lần, bà D đã hốt và phải đóng 07 lần hụi chết. Bà khởi kiện lần thứ nhất đã được chấp nhận 05 lần. Đến tháng 9/2020, bà đã đóng thay cho bà D thêm 02 lần x 5.000.000 đồng = 10.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn.

Dây hụi 5: Dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 25/9/2017 Dương lịch (tức ngày 06/8/2017 Âm lịch), 03 tháng khui một lần, bà D đã hốt và phải đóng 11 lần hụi chết. Bà khởi kiện lần thứ nhất đã được chấp nhận 03 lần. Đến tháng 4/2021, bà đã đóng thay cho bà D thêm 04 lần x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng. Dây hụi này còn 04 lần x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng là mãn hụi, bà đã đóng thay cho bà D nhưng chưa khởi kiện trong vụ án này.

Dây hui 6: Dây hui 5.000.000 đồng, mở ngày 14/7/2018 Dương lịch (tức ngày 02/6/2018 Âm lịch), 03 tháng khui một lần, bà D đã hốt và phải đóng 12 lần hui chết. Bà khởi kiện lần thứ nhất đã được chấp nhận 05 lần. Đến tháng 4/2021, bà đã đóng thay cho bà D thêm 04 lần x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng. Dây hui này còn 03 lần x 5.000.000 đồng = 15.000.000 đồng là mần hui, bà đã đóng thay cho bà D nhưng chưa khởi kiện trong vụ án này.

Mục đích bà D tham gia chơi hui nhằm tìm kiếm lợi nhuận để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình ông N và bà D. Khi tham gia chơi hui, bà D không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông N và bà D phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hui chết của 06 dây hui với số tiền tổng cộng 110.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Bà tham gia 06 dây hui, trong khi bà hốt hui 10.000.000 đồng ngày 05/8, bà L tổng 06 dây hui chốt 06 dây hui cho bà. Ngoài ra 06 dây hui, bà không có thiếu bà L gì hết. Hui 10.000.000 đồng, bà hốt được 114.780.000 đồng, bà L trừ 90.000.000 đồng. Bà L gây bà chơi đầu hui 5.000.000 đồng, bà đóng 02 phần. Từ tháng 5 đến nay, bà đóng cho bà L. Nay bà L khởi kiện bà không đồng ý.

** Bị đơn là ông Nguyễn Thanh N:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ đối với ông N nhưng ông N không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, ông N cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về việc bà L khởi kiện yêu cầu ông N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà L. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 07/12/2021, Tòa án nhân dân huyện thị xã T đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 468, 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ L, buộc ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị D phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ L số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

2.1 Buộc ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới chịu 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Mỹ L 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009657 ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 14/12/2021, bị đơn là bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Bà D và ông N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm vì bà D và ông N không còn nợ bà Huỳnh Thị Mỹ L 110.000.000 đồng tiền hui.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L với lý do ngày 25/7/2019 (Âm lịch), bà D hốt hui được tổng cộng 114.780.000 đồng của dây hui khui ngày 25/8/2016 (Âm lịch) tức ngày 25/9/2016 (Dương lịch) nhưng bà L không có giao số tiền hốt hui cho bà D, bà L giữ số tiền hốt hui này để đóng hui chết của 06 dây hui mà Dân tham gia chơi.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bà D có tham gia 06 dây hui do bà L làm chủ. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DSST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T và Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2021/DSPT ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xác định không có việc cản trừ số tiền hui 114.780.000đ mà bà D hốt vào tiền hui chết của 06 dây hui như bà D trình bày. Tại phiên tòa, ông N và bà D cũng không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh có việc cản trừ tiền hui 114.780.000đ

vào hụi chết và bà L không thừa nhận có việc cản trở tiền hụi. Bà L đã đóng thay tiếp thêm cho bà D 06 dây hụi với số tiền 110.000.000đ. Do đó bản án sơ thẩm tuyên buộc ông N và bà D có nghĩa vụ trả cho bà L 110.000.000đ là có căn cứ.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bà D có tham gia chơi 07 dây hụi do bà L làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 01: Dây hụi này khai ngày 07/11/2015 Dương lịch (tức ngày 26/9/2015 Âm lịch) gồm 16 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, 04 tháng khai một lần, bà D tham gia chơi 01 phần. Đến lần khai hụi thứ 12 thì bà D hốt hụi nhưng sau đó bà D không đóng 04 phần hụi chết còn lại tổng cộng là 20.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 02: Dây hụi này khai ngày 25/9/2016 Dương lịch (tức ngày 25/8/2016 Âm lịch) gồm 16 phần, mỗi phần 10.000.000 đồng, 04 tháng khai một lần, bà D tham gia chơi 01 phần. Đến lần khai hụi thứ 10 bà D hốt hụi nhưng sau đó bà D không đóng 06 phần hụi chết tổng cộng là 60.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 03: Dây hụi này khai ngày 08/4/2017 Dương lịch (tức ngày 12/3/2017 Âm lịch) gồm 19 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, 03 tháng khai một lần, bà D tham gia chơi 01 phần. Đến lần khai hụi thứ 09 bà D hốt hụi nhưng sau đó bà D không đóng 10 phần hụi chết tổng cộng là 50.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 04: Dây hụi này khai ngày 24/6/2017 Dương lịch (tức ngày 01/6/2017 Âm lịch) gồm 20 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, 02 tháng khai một lần, bà D tham gia chơi 01 phần. Đến lần khai hụi thứ 13 bà D hốt hụi nhưng sau đó bà D không đóng 07 phần hụi chết tổng cộng là 35.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 05: Dây hụi này khai ngày 25/9/2017 Dương lịch (tức ngày 06/8/2017 Âm lịch) gồm 20 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, 03 tháng khai một

lần, bà D tham gia chơi 01 phần. Đến lần khai hội thứ 09 bà D hốt hội nhưng sau đó bà D không đóng 11 phần hội chết tổng cộng là 55.000.000 đồng.

Dây hội thứ 06: Dây hội này khai ngày 10/02/2018 Dương lịch (tức ngày 25/12/2017 Âm lịch) gồm 15 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, 02 tháng khai một lần, bà D tham gia chơi 01 phần. Đến lần khai hội thứ 13 bà D hốt hội nhưng sau đó bà D không đóng 02 phần hội chết tổng cộng là 10.000.000 đồng.

Dây hội thứ 07: Dây hội này khai ngày 14/7/2018 Dương lịch (tức ngày 02/6/2018 Âm lịch) gồm 15 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, 03 tháng khai một lần, bà D tham gia chơi 01 phần. Đến lần khai hội thứ 03 bà D hốt hội nhưng sau đó bà D không đóng 12 phần hội chết tổng cộng là 60.000.000 đồng.

Do bà D và ông N không đóng hội chết nên ngày 11/6/2020, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết buộc bà D và ông N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà L tổng cộng 120.000.000 đồng tiền nợ hội chết mà bà L đã đóng choàng cho bà D gồm: 10.000.000 đồng (02 phần hội chết) của dây hội thứ 01, 20.000.000 đồng (02 phần hội chết) của dây hội thứ 02, 15.000.000 đồng (03 phần hội chết) của dây hội thứ 03, 25.000.000 đồng (05 phần hội chết) của dây hội thứ 04, 15.000.000 đồng (03 phần hội chết) của dây hội thứ 05, 10.000.000 đồng (02 phần hội chết) của dây hội thứ 06 và 25.000.000 đồng (05 phần hội chết) của dây hội thứ 07 (tính đến ngày bà L nộp đơn khởi kiện là ngày 11/6/2020 Dương lịch).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 04/9/2020, Tòa án nhân dân thị xã T đã xử buộc bà D và ông N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà L tổng cộng 120.000.000 đồng tiền nợ hội chết.

Sau đó, bà D kháng cáo không đồng ý toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nói trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2021/DS-PT ngày 05/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xử giữ nguyên phần quyết định buộc bà D và ông N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà L tổng cộng 120.000.000 đồng tiền nợ hội chết.

Đến ngày 20/4/2021, bà L tiếp tục khởi kiện bà D và ông N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà L tổng cộng 110.000.000 đồng tiền nợ hội chết của 06 dây hội gồm: 10.000.000 đồng (02 phần hội chết) của dây hội thứ 01, 30.000.000 đồng (03 phần hội chết) của dây hội thứ 02, 20.000.000 đồng (04 phần hội chết) của dây hội thứ 03, 10.000.000 đồng (02 phần hội chết) của dây hội thứ 04, 20.000.000 đồng (04 phần hội chết) của dây hội thứ 05 và 20.000.000 đồng (04 phần hội chết) của dây hội thứ 07 (tính đến ngày bà L nộp đơn khởi kiện là ngày 20/4/2021 Dương lịch). Riêng dây hội thứ 06 khai ngày 10/02/2018 Dương lịch (tức ngày 25/12/2017 Âm lịch) đã mãn và số tiền 10.000.000 đồng (02 phần hội chết) của dây hội này đã được giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2021/DS-PT ngày 05/4/2021 nói trên.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án này, bà D thừa nhận có tham gia chơi 07 dây hội do bà L làm chủ hội và có nợ bà L tiền hội chết. Tuy nhiên, bà L cho rằng

ngày 05/8/2019 (Âm lịch), bà D được hót hụi tổng cộng 114.780.000 đồng của dây hụi khui ngày 25/9/2016 Dương lịch (tức ngày 25/8/2016 Âm lịch) nhưng bà L không có giao số tiền hót hụi cho bà D, bà L giữ số tiền hót hụi này để đóng hụi chết của 06 dây hụi mà Dân tham gia chơi. Xét lời trình bày này của bà D là không có cơ sở, bởi lẽ: Tại tờ “Biên nhận” ngày 05/8/2019 (Âm lịch), bà D thừa nhận có ký tên vào tờ Biên nhận này và thừa nhận đã nhận đủ số tiền 114.780.000 đồng từ bà L. Hơn nữa, Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật số 118/2021/DS-PT ngày 05/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã nhận định: “... Bà D cho rằng số tiền hót hụi 114.780.000 đồng bà L không giao cho bà mà cản trừ vào tiền hụi chết của 06 dây hụi 5.000.000 đồng và tiền hụi chết của chính dây hụi 10.000.000 đồng bà đang hót. Lời trình bày của bà D về việc cản trừ tiền hót hụi vào hụi chết không được bà L thừa nhận, bà D không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh có việc cản trừ này, trong khi biên nhận ngày 05/8/2019 (Âm lịch) có nội dung bà D có mượn bà L số tiền 114.780.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L và bà D xác định số tiền 114.780.000 đồng là tiền bà D hót hụi chứ không phải tiền mượn, phần cuối của biên nhận có ghi rõ người mượn đã nhận đủ tiền và bà D thừa nhận chữ ký trong biên nhận này là của bà D. Do đó, có cơ sở xác định bà D có nhận số tiền hót hụi 114.780.000 đồng, không có việc cản trừ số tiền hót hụi vào hụi chết như lời trình bày của bà D...”.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo trên của bà D.

[3] Từ nhận định ở đoạn [2], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa cách tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Huỳnh Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ L được Tòa án chấp nhận là: $05\% \times 110.000.000 \text{ đồng} = 5.500.000 \text{ đồng}$.

Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N phải liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N trả tiền nợ hui.

Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ L 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) tiền nợ hui.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N phải liên đới nộp 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ L 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009657 ngày 29/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N phải liên đới nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000570 ngày 17/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn